

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST

Ngày 01-9-2017

V/v: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Phương và ông Ngô Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hằng - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017, về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐXX - ST ngày 31/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST - HNGĐ ngày 16/8/2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 34 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 23 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt lần thứ 02.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12/5/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, do đó vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 22/3/2013. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 08/6/2017, tôi có xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và ông T không có.

** Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 30/5/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà A về thời gian, điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống thì đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã nhau và vợ bỏ nhà đi. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không đáng kể mặc dù đã được hai bên gia đình và đoàn thể giải quyết nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định vẫn còn tình cảm với Bà A nên xin được đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định có 01 con chung tên Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 22/3/2013.

Nếu phải ly hôn, tôi đồng ý giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng nhưng trong quá trình giải

quyết vụ án bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Nguyên đơn bà A chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn ông T không tham gia các phiên hòa giải ngày 11/7/2017; ngày 24/7/2017; phiên tòa ngày 16/8/2017 và ngày hôm nay 01/9/2017 là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung : Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà A và ông T đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà A được ly hôn ông T;

Về con chung: Giao cho bà Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 22/3/2013 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1). Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Trần Thị A và ông Nguyễn Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

(2). Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị A và ông Nguyễn Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống thì đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà A là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó, ông T đã bỏ nhà đi và hai vợ chồng ly thân nhau từ năm 2014 đến nay.

Còn ông T cũng thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà A về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống thì đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã nhau và ông đã bỏ đi khỏi nhà. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không đáng kể mặc dù đã được hai bên gia đình và đoàn thể giải quyết nhưng không có kết quả. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà A nên xin được đoàn tụ.

Xét yêu cầu đoàn tụ của ông T thì thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà A trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 18/7/2015 thể hiện mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là có thật, ông T đã bỏ đi khỏi nhà và không sống chung với bà A từ năm 2014 đến nay. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông T mà cần vận

dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông T là thoả đáng.

- Về quan hệ con chung: Bà A xác định giữa bà và ông Thủy có 01 con chung tên Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 22/3/2013. Ly hôn, bà A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định giữa bà và ông T không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

(3). Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; khoản 2 Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 366/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*" của bà Trần Thị A đối với ông Nguyễn Thanh T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị A được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị A đối với ông Nguyễn Thanh T nên giấy chứng nhận kết hôn số 66/2012, quyển số 01/2012 do UBND phường M cấp ngày 11/7/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 22/3/2013 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000đ bà Trần Thị A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 9036 ngày 17/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà A đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh

